

Số: 22/2019/QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 08 tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Y D, sinh năm 1994 và anh Đỗ Văn T, sinh năm 1992. Cùng trú tại: Thôn 1, xã Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y D và anh Đỗ Văn T kết hôn hợp pháp, hai đương sự trình bày chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nhiều lần. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn. Xét thấy cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị Y D cũng không có thai với anh Thanh, nên không đề cập.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, anh T thỏa thuận nhận chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Y D thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị Y D cũng không có thai với anh Đỗ Văn T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Anh Đỗ Văn T thỏa thuận nhận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà anh Thanh đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009531 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Anh Đỗ Văn Thanh đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Ngô Văn Minh

Ngô Văn Minh